

Số: 22/2022/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 9 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách tỉnh  
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững  
giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của  
Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân  
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức  
phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025; Báo  
cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo  
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân  
bổ vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền  
vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân  
sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai  
đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau đây viết tắt là Chương trình).



## 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng kinh phí của Chương trình;

- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh thuộc Chương trình.

## 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

a) Việc phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

b) Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương các cấp.

c) Việc phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các đơn vị cấp huyện có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao.

d) Việc phân bổ cụ thể vốn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân kinh phí, kết quả thực hiện kế hoạch năm trước.

đ) Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

## 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách tỉnh

### a) Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn ngân sách tỉnh

- Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi của các huyện, thành phố năm 2020 theo số liệu do Sở Y tế công bố.

- Đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

b) Tiêu chí, hệ số, định mức phân bổ vốn ngân sách tỉnh và phương pháp tính, xác định vốn phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần được quy định chi tiết theo Phụ lục I, II, III, IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ có đánh giá và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 10 năm 2022. / *Thái Bảo*

Nơi nhận: *Quê*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐ.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo





### Phụ lục I

## DỰ ÁN ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Phân bổ vốn 100% cho các huyện, thành phố.
2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.
  - a) Tiêu chí, hệ số phân bổ

| Tiêu chí                                                                    | Hệ số |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |       |
| Dưới 1%                                                                     | 0,4   |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                         | 0,5   |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                         | 0,6   |
| Từ 2% trở lên                                                               | 0,7   |
| <b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |       |
| Dưới 500 hộ                                                                 | 0,4   |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                 | 0,5   |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                               | 0,6   |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                               | 0,7   |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                               | 0,8   |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                         | 0,9   |
| <b>Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>         |       |
| Dưới 11 xã                                                                  | 1     |
| Từ 11 xã đến 15 xã                                                          | 1,3   |
| Từ 16 xã trở lên                                                            | 1,5   |

- b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố
- Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$C_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Dự án.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất.

$X_n.Y_n$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $n$  với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $n$ .



## Phụ lục II

# DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CẢI THIỆN DINH DƯỠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn 100% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                                    | Hệ số |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |       |
| Dưới 1%                                                                     | 0,4   |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                         | 0,5   |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                         | 0,6   |
| Từ 2% trở lên                                                               | 0,7   |
| <b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |       |
| Dưới 500 hộ                                                                 | 0,4   |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                 | 0,5   |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                               | 0,6   |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                               | 0,7   |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                               | 0,8   |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                         | 0,9   |
| <b>Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>         |       |
| Dưới 11 xã                                                                  | 1     |
| Từ 11 xã đến 15 xã                                                          | 1,3   |
| Từ 16 xã đến 20 xã                                                          | 1,5   |
| Từ 21 xã trở lên                                                            | 2     |



b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Đi = Q.Xi.Yi$$

Trong đó:

Đi là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i.

Yi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện tiểu dự án 1.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất.

$X_n.Y_n$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ n với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ n.

## 2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn cho các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh tối đa 10%; cho các huyện, thành phố tối thiểu 90%.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                                                                                               | Hệ số |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>                                                                    |       |
| Dưới 11 xã                                                                                                                             | 1     |
| Từ 11 xã đến 15 xã                                                                                                                     | 1,3   |
| Từ 16 xã đến 20 xã                                                                                                                     | 1,5   |
| Từ 21 xã trở lên                                                                                                                       | 2     |
| <b>Tiêu chí 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố theo số liệu công bố năm 2020 của Sở Y tế</b> |       |

| Tiêu chí            | Hệ số |
|---------------------|-------|
| Từ 15% trở lên      | 1,6   |
| Từ 10% đến dưới 15% | 1,4   |
| Dưới 10%            | 1,2   |

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$DD_i$  là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(Y_1 \cdot DD_1) + (Y_2 \cdot DD_2) + \dots + (Y_n \cdot DD_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện tiêu dự án 2.

$Y_1 \cdot DD_1$  là tích của hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất.

$Y_n \cdot DD_n$  là tích của hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố thứ  $n$  với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $n$ .





### Phụ lục III

## DỰ ÁN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢM NGHÈO VỀ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### 1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn cho các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh tối đa 30%; cho các huyện, thành phố tối thiểu 70%.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                                    | Hệ số |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |       |
| Dưới 1%                                                                     | 0,4   |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                         | 0,5   |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                         | 0,6   |
| Từ 2% trở lên                                                               | 0,7   |
| <b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |       |
| Dưới 500 hộ                                                                 | 0,4   |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                 | 0,5   |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                               | 0,6   |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                               | 0,7   |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                               | 0,8   |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                         | 0,9   |
| <b>Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>         |       |
| Dưới 11 xã                                                                  | 1     |
| Từ 11 xã đến 15 xã                                                          | 1,3   |
| Từ 16 xã đến 20 xã                                                          | 1,5   |
| Từ 21 xã trở lên                                                            | 2     |

c) Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$N_i = Q.X_i.Y_i + D$$

Trong đó:

$N_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$D$  là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G-D}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

Trong đó:  $G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1;  $D$  là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất.

$X_n.Y_n$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $n$  với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $n$ .

## 2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn cho các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh tối đa 35%; cho các huyện, thành phố tối thiểu 65%.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                                    | Hệ số |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |       |
| Dưới 1%                                                                     | 0,4   |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                         | 0,5   |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                         | 0,6   |
| Từ 2% trở lên                                                               | 0,7   |



| Tiêu chí                                                                 | Hệ số |
|--------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |       |
| Dưới 500 hộ                                                              | 0,4   |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                              | 0,5   |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                            | 0,6   |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                            | 0,7   |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                            | 0,8   |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                      | 0,9   |
| <b>Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>      |       |
| Dưới 11 xã                                                               | 1     |
| Từ 11 xã đến 15 xã                                                       | 1,3   |
| Từ 16 xã đến 20 xã                                                       | 1,5   |
| Từ 21 xã trở lên                                                         | 2     |

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$P_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1 \cdot Y_1) + (X_2 \cdot Y_2) + \dots + (X_n \cdot Y_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố để thực hiện  
Tiểu dự án 2.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất.

$X_n.Y_n$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $n$  với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $n$ .





#### Phụ lục IV

### **ĐU AN NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Phân bổ vốn cho các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh tối đa 25%; cho các huyện, thành phố tối thiểu 75%.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

| Tiêu chí                                                                    | Hệ số |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |       |
| Dưới 1%                                                                     | 0,4   |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                         | 0,5   |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                         | 0,6   |
| Từ 2% trở lên                                                               | 0,7   |
| <b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |       |
| Dưới 500 hộ                                                                 | 0,4   |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                 | 0,5   |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                               | 0,6   |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                               | 0,7   |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                               | 0,8   |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                         | 0,9   |
| <b>Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>         |       |
| Dưới 11 xã                                                                  | 1     |
| Từ 11 xã đến 15 xã                                                          | 1,3   |
| Từ 16 xã đến 20 xã                                                          | 1,5   |
| Từ 21 xã trở lên                                                            | 2     |

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$R_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1 \cdot Y_1) + (X_2 \cdot Y_2) + \dots + (X_n \cdot Y_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Dự án.

$X_1 \cdot Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất.

$X_n \cdot Y_n$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $n$  với hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $n$ .

Số: 133/TTr-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 8 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh tờ trình dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 6003/KH-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2015 về thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020, trong đó có bố trí kinh phí thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia cho các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện. Việc bố trí kinh phí được tổng hợp trên cơ sở báo cáo nhu cầu sử dụng nguồn vốn của các sở, ngành, địa phương hàng năm và cả giai đoạn 05 năm, nhìn chung việc phân bổ và bố trí và sử dụng nguồn vốn theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo các nội dung và nhu cầu sử dụng kinh phí của các địa phương.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, các bộ, ngành Trung ương đã ban hành nhiều chính sách, chương trình để triển khai thực hiện như: Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 2006/LĐTĐ-BHXH-VPQGGN ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022.



Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố “Căn cứ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định”.

Như vậy, việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 để kịp thời làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách nhà nước hàng năm, giai đoạn cho các sở, ban, ngành, địa phương theo đúng định mức, quy định để thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là rất cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 cho các sở, ban, ngành của tỉnh và các huyện, thành phố đảm bảo đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

Triển khai Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

### **2. Quan điểm xây dựng văn bản**

Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết. Phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các sở, ngành, các huyện, thành phố để thực hiện Chương trình giảm nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) dự thảo nội dung đề nghị xây dựng Nghị quyết, lấy ý kiến thống nhất của các sở, ban, ngành, đơn vị (liên quan), cơ quan soạn thảo

tổng hợp, điều chỉnh, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết thông qua thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến đóng góp và Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 11/8/2022 trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Công văn số 510/HĐND-VP ngày 18/8/2022 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan soạn thảo dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; thực hiện thủ tục đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý; cơ quan soạn thảo tổng hợp, điều chỉnh, gửi Sở Tư pháp thẩm định; tiếp thu, bổ sung các ý kiến thẩm định theo Báo cáo số 206/BC-STP ngày 29/8/2022 của Sở Tư pháp và hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục:** Nghị quyết gồm có 03 Điều.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 đối với nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

##### **2. Dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết gồm có 8 điều**

###### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025.

###### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng kinh phí của Chương trình; các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến thực hiện nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Việc phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách tỉnh phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân kinh phí, kết quả thực hiện kế hoạch năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

### **Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn**

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo mỗi năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi của các huyện, thành phố năm 2020 theo số liệu do Sở Y tế công bố.

3. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

### **Điều 5. Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2 của Trung ương)**

1. Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Dự án: 100% cho các huyện, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ

| Tiêu chí                                                                       | Điểm hệ số |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 1%                                                                        | 0,4        |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                            | 0,5        |



| Tiêu chí                                                                    | Điểm hệ số |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------|
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                         | 0,6        |
| Từ 2% trở lên                                                               | 0,7        |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 500 hộ                                                                 | 0,4        |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                 | 0,5        |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                               | 0,6        |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                               | 0,7        |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                               | 0,8        |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                         | 0,9        |
| <b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>      |            |
| 10 xã                                                                       | 1          |
| Từ 11 đến 15 xã                                                             | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã                                                             | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên                                                            | 2          |

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$C_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1 \cdot Y_1) + (X_2 \cdot Y_2) + \dots + (X_n \cdot Y_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách cấp tỉnh phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 1 của Chương trình.

$X1.Y1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ  $n$  ( $Xn.Yn$ ).

**Điều 6. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Dự án 3 của Trung ương)**

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Dự án: 100% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                                       | Điểm hệ số |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 1%                                                                        | 0,4        |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                            | 0,5        |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                            | 0,6        |
| Từ 2% trở lên                                                                  | 0,7        |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |            |
| Dưới 500 hộ                                                                    | 0,4        |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                    | 0,5        |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                                  | 0,6        |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                                  | 0,7        |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                                  | 0,8        |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                            | 0,9        |
| <b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>         |            |
| 10 xã                                                                          | 1          |

| Tiêu chí         | Điểm hệ số |
|------------------|------------|
| Từ 11 đến 15 xã  | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã  | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên | 2          |

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$Đ_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách cấp tỉnh phân bổ thực hiện tiểu dự án 1 thuộc Dự án 2 của Chương trình.

$X_i.Y_i$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ  $n$  ( $X_n.Y_n$ ).

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiểu dự án:

- Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 10%.

- Các huyện, thành phố tối thiểu 90%.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                               | Điểm hệ số |
|------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b> |            |
| 10 xã                                                                  | 1          |
| Từ 11 đến 15 xã                                                        | 1,3        |



| Tiêu chí                                                                                        | Điểm hệ số |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Từ 16 đến 20 xã                                                                                 | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên                                                                                | 2          |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố</b> |            |
| Trên 15%                                                                                        | 1,6        |
| Từ % 10 đến dưới 15%                                                                            | 1,4        |
| Dưới 10 %                                                                                       | 1,2        |

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$E_i = Q.Y_i.DD_i$$

Trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$DD_i$  là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(Y_1.DD_1) + (Y_2.DD_2) + \dots + (Y_n.DD_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện tiểu dự án 2 thuộc Dự án 2 của Chương trình.

$Y_1.DD_1$  là tích của hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ  $n$  ( $Y_n.DD_n$ ).

**Điều 7. Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Dự án 6 của Trung ương)**

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiểu dự án:

- Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 30%.

- Các huyện, thành phố: Tối thiểu 70%.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                                       | Điểm hệ số |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 1%                                                                        | 0,4        |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                            | 0,5        |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                            | 0,6        |
| Từ 2% trở lên                                                                  | 0,7        |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |            |
| Dưới 500 hộ                                                                    | 0,4        |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                    | 0,5        |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                                  | 0,6        |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                                  | 0,7        |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                                  | 0,8        |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                            | 0,9        |
| <b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>         |            |
| 10 xã                                                                          | 1          |
| Từ 11 đến 15 xã                                                                | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã                                                                | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên                                                               | 2          |

c) Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D$$

Trong đó:

$N_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$D$  là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông.

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G-D}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

Trong đó:  $G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố để thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 3;  $D$  là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ  $n$  ( $X_n.Y_n$ ).

## 2. Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

### a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiêu dự án:

- Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 35%.
- Các huyện, thành phố: Tối thiểu 65%.

### b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                                       | Điểm hệ số |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 1%                                                                        | 0,4        |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                            | 0,5        |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                            | 0,6        |
| Từ 2% trở lên                                                                  | 0,7        |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |            |
| Dưới 500 hộ                                                                    | 0,4        |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                    | 0,5        |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                                  | 0,6        |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                                  | 0,7        |

| Tiêu chí                                                               | Điểm hệ số |
|------------------------------------------------------------------------|------------|
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                          | 0,8        |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                    | 0,9        |
| <b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b> |            |
| 10 xã                                                                  | 1          |
| Từ 11 đến 15 xã                                                        | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã                                                        | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên                                                       | 2          |

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho chợ huyện, thành phố.

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$P_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1 \cdot Y_1) + (X_2 \cdot Y_2) + \dots + (X_n \cdot Y_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 3.

$X_i \cdot Y_i$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ  $n$  ( $X_n \cdot Y_n$ ).

**Điều 8. Dự án Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Dự án 7 của Trung ương).....**

1. Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Dự án:

- Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 25%.
- Các huyện, thành phố: Tối thiểu 75%.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương



| Tiêu chí                                                                       | Điểm hệ số |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 1%                                                                        | 0,4        |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                            | 0,5        |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                            | 0,6        |
| Từ 2% trở lên                                                                  | 0,7        |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |            |
| Dưới 500 hộ                                                                    | 0,4        |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                    | 0,5        |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                                  | 0,6        |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                                  | 0,7        |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                                  | 0,8        |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                            | 0,9        |
| <b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>         |            |
| 10 xã                                                                          | 1          |
| Từ 11 đến 15 xã                                                                | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã                                                                | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên                                                               | 2          |

### 3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$R_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots (X_n.Y_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Dự án 4.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ n ( $X_n.Y_n$ ).

## V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Hồ sơ dự thảo nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 510/HĐND-VP ngày 18 tháng 8 năm 2022 và thời hạn đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh đến ngày 18 tháng 9 năm 2022. Tuy nhiên, đây là Nghị quyết có tính chất quan trọng để sớm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, vì vậy Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ngay khi hết thời gian đăng cổng thông tin điện tử tỉnh.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

### Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025.

(2) Báo cáo thẩm định số 206/BC-STP ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Sở Tư pháp.

(3) Báo cáo số 324/BC-LĐTBXH, Báo cáo số 325/BC-LĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

(4) Tờ trình số 151/TTr-LĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

### Nơi nhận:

- Như trên;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Các Đại biểu HĐND tỉnh;
  - Các Ban HĐND tỉnh;
  - VP. Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
  - Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư;
  - Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, THNC, KTNS, KGVX.
- <Tamd T8.2022>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



**BẢN TỔNG HỢP HỘ NGHÈO, HỘ CÁN NGHÈO, TỶ LỆ HỘ NGHÈO, HỘ CÁN NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO QUỐC GIA ĐẦU NĂM 2022; SỐ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ NĂM 2022; TỶ LỆ SỤY DINH ĐƯỞNG THÁP CÒI Ở TRẺ EM DƯỚI 05 TUỔI NĂM 2020 VÀ HỆ SỐ CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**  
(Kèm theo Tờ trình số 133/UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh)

| Số TT | Tên đơn vị hành chính | Tổng số hộ dân | Hộ nghèo |         | Hộ cận nghèo |         | Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 | Hệ số của tổng số hộ nghèo, hộ cận năm 2022 | Tổng số tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận năm 2022 | Hệ số của tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận năm 2022 | Tổng hệ số HN, HCN và hệ số tỷ lệ HN, HCN | Số đơn vị hành chính cấp xã | Hệ số của tổng đơn vị hành chính cấp xã | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi năm 2020 | Hệ số của tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi năm 2020 |
|-------|-----------------------|----------------|----------|---------|--------------|---------|-----------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|       |                       |                | Số hộ    | Tỷ lệ % | Số hộ        | Tỷ lệ % |                                         |                                             |                                         |                                                |                                           |                             |                                         |                                                           |                                                                     |
| A     | B                     | 1              | 2        | 3       | 4            | 5       | 6<br>(2+4)                              | 7                                           | 8<br>(3+5)                              | 9                                              | 10<br>(7+9)                               | 11                          | 12                                      | 13                                                        | 14                                                                  |
| 1     | Biên Hòa              | 305.275        | 497      | 0,16    | 218          | 0,07    | 715                                     | 0,5                                         | 0,23                                    | 0,4                                            | 0,9                                       | 30                          | 2,00                                    | 19,57                                                     | 1,6                                                                 |
| 2     | Vĩnh Cửu              | 43.887         | 298      | 0,68    | 417          | 0,95    | 715                                     | 0,5                                         | 1,63                                    | 0,6                                            | 1,1                                       | 12                          | 1,30                                    | 8,79                                                      | 1,2                                                                 |
| 3     | Trảng Bom             | 103.081        | 596      | 0,58    | 665          | 0,65    | 1.261                                   | 0,6                                         | 1,22                                    | 0,5                                            | 1,1                                       | 17                          | 1,50                                    | 16,61                                                     | 1,6                                                                 |
| 4     | Thống Nhất            | 42.699         | 963      | 2,26    | 289          | 0,68    | 1.252                                   | 0,6                                         | 2,93                                    | 0,7                                            | 1,3                                       | 10                          | 1,15                                    | 11,63                                                     | 1,4                                                                 |
| 5     | Long Khánh            | 42.051         | 102      | 0,24    | 190          | 0,45    | 292                                     | 0,4                                         | 0,69                                    | 0,4                                            | 0,8                                       | 15                          | 1,30                                    | 10,14                                                     | 1,4                                                                 |
| 6     | Cẩm Mỹ                | 34.072         | 351      | 1,03    | 726          | 2,13    | 1.077                                   | 0,6                                         | 3,16                                    | 0,7                                            | 1,3                                       | 13                          | 1,30                                    | 12,49                                                     | 1,4                                                                 |
| 7     | Xuân Lộc              | 59.061         | 683      | 1,16    | 1.107        | 1,87    | 1.790                                   | 0,7                                         | 3,03                                    | 0,7                                            | 1,4                                       | 15                          | 1,30                                    | 18,21                                                     | 1,6                                                                 |
| 8     | Định Quán             | 51.820         | 906      | 1,75    | 616          | 1,19    | 1.522                                   | 0,7                                         | 2,94                                    | 0,6                                            | 1,3                                       | 14                          | 1,30                                    | 12,14                                                     | 1,4                                                                 |
| 9     | Tân Phú               | 42.486         | 1.035    | 2,44    | 1.858        | 4,37    | 2.893                                   | 0,9                                         | 6,81                                    | 0,7                                            | 1,6                                       | 18                          | 1,50                                    | 10,88                                                     | 1,4                                                                 |
| 10    | Long Thành            | 71.010         | 578      | 0,81    | 163          | 0,23    | 741                                     | 0,5                                         | 1,04                                    | 0,5                                            | 1,0                                       | 14                          | 1,30                                    | 9,52                                                      | 1,2                                                                 |
| 11    | Nhom Trạch            | 83.987         | 1.048    | 1,25    | 667          | 0,79    | 1.715                                   | 0,7                                         | 2,04                                    | 0,7                                            | 1,4                                       | 12                          | 1,30                                    | 8,98                                                      | 1,2                                                                 |
| TỔNG  |                       | 879.429        | 7.057    | 0,80    | 6.916        | 0,79    | 13.973                                  | 6,7                                         | 1,59                                    | 6,50                                           | 13,2                                      | 170                         | 15,3                                    |                                                           | 15,4                                                                |





Số: /2022/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 9**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;
- Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số ....BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của

*Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 (kèm theo Quy định).

**Điều 2.** Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 đối với nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả về Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X kỳ họp thứ 09 thông qua ngày ... tháng ... năm 2022, có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng ....năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Các Bộ: Lao động TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và TT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT. (.....bản)

<D:2022/UBT/Tham mưu xây dựng...>

**CHỦ TỊCH**

**Thái Bảo**

**DỰ THẢO**

**QUY ĐỊNH**

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số .../2022/NQ-HĐND  
ngày ... tháng ... năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng kinh phí của Chương trình; các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến thực hiện nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

**Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

- Việc phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.
- Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và chính quyền địa phương.
- Việc phân bổ vốn đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao.
- Việc phân bổ cụ thể ngân sách tỉnh phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân kinh phí, kết quả thực hiện kế hoạch năm trước.
- Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

**Chương II**  
**TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH,**  
**XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN**

**Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn**

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo mỗi năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi của các huyện, thành phố năm 2020 theo số liệu do Sở Y tế công bố.

3. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

**Điều 5. Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2 của Trung ương)**

1. Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Dự án: 100% cho các huyện, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ

| Tiêu chí                                                                       | Điểm hệ số |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 1%                                                                        | 0,4        |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                            | 0,5        |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                            | 0,6        |
| Từ 2% trở lên                                                                  | 0,7        |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |            |
| Dưới 500 hộ                                                                    | 0,4        |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                    | 0,5        |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                                  | 0,6        |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                                  | 0,7        |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                                  | 0,8        |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                            | 0,9        |
| <b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>         |            |
| 10 xã                                                                          | 1          |



| Tiêu chí         | Điểm hệ số |
|------------------|------------|
| Từ 11 đến 15 xã  | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã  | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên | 2          |

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$C_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách cấp tỉnh phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 1 của Chương trình.

$X_i.Y_i$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ  $n$  ( $X_n.Y_n$ ).

**Điều 6. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Dự án 3 của Trung ương)**

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Dự án: 100% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                                | Điểm hệ số |
|-------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố |            |

| Tiêu chí                                                                    | Điểm hệ số |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------|
| Dưới 1%                                                                     | 0,4        |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                         | 0,5        |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                         | 0,6        |
| Từ 2% trở lên                                                               | 0,7        |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 500 hộ                                                                 | 0,4        |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                 | 0,5        |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                               | 0,6        |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                               | 0,7        |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                               | 0,8        |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                         | 0,9        |
| <b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>      |            |
| 10 xã                                                                       | 1          |
| Từ 11 đến 15 xã                                                             | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã                                                             | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên                                                            | 2          |

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

Đ<sub>i</sub> là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X<sub>i</sub> là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i.

Y<sub>i</sub> là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots (X_n.Y_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách cấp tỉnh phân bổ thực hiện tiểu dự án 1 thuộc Dự án 2 của Chương trình.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ n ( $X_n.Y_n$ ).

**2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

**a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiểu dự án:**

- Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh. Tối đa 10%.

- Các huyện, thành phố tối thiểu 90%.

**b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.**

| Tiêu chí                                                                                        | Điểm hệ số |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>                          |            |
| 10 xã                                                                                           | 1          |
| Từ 11 đến 15 xã                                                                                 | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã                                                                                 | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên                                                                                | 2          |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố</b> |            |
| Trên 15%                                                                                        | 1,6        |
| Từ % 10 đến dưới 15%                                                                            | 1,4        |
| Dưới 10 %                                                                                       | 1,2        |

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế.

**c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố**

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$E_i = Q.Y_i.DD_i$$

Trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$DD_i$  là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố thứ

$i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(Y_1 \cdot DD_1) + (Y_2 \cdot DD_2) + \dots + (Y_n \cdot DD_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện tiêu dự án 2 thuộc Dự án 2 của Chương trình.

$Y_1 \cdot DD_1$  là tích của hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ  $n$  ( $Y_n \cdot DD_n$ ).

**Điều 7. Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Dự án 6 của Trung ương)**

1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiêu dự án:

- Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 30%.
- Các huyện, thành phố: Tối thiểu 70%.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                                       | Điểm hệ số |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 1%                                                                        | 0,4        |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                            | 0,5        |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                            | 0,6        |
| Từ 2% trở lên                                                                  | 0,7        |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |            |
| Dưới 500 hộ                                                                    | 0,4        |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                    | 0,5        |

| Tiêu chí                                                               | Điểm hệ số |
|------------------------------------------------------------------------|------------|
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                          | 0,6        |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                          | 0,7        |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                          | 0,8        |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                    | 0,9        |
| <b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b> |            |
| 10 xã                                                                  | 1          |
| Từ 11 đến 15 xã                                                        | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã                                                        | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên                                                       | 2          |

c) Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$N_i = Q.X_i.Y_i + D$$

Trong đó:

$N_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$D$  là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông.

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G-D}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

Trong đó:  $G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3;  $D$  là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ  $n$  ( $X_n.Y_n$ ).

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều



a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiêu dự án:

- Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 35%.
- Các huyện, thành phố: Tối thiểu 65%.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

| Tiêu chí                                                                       | Điểm hệ số |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 1%                                                                        | 0,4        |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                            | 0,5        |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                            | 0,6        |
| Từ 2% trở lên                                                                  | 0,7        |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |            |
| Dưới 500 hộ                                                                    | 0,4        |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                    | 0,5        |
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                                  | 0,6        |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                                  | 0,7        |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                                  | 0,8        |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                            | 0,9        |
| <b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>         |            |
| 10 xã                                                                          | 1          |
| Từ 11 đến 15 xã                                                                | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã                                                                | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên                                                               | 2          |

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$P_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$P_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố để thực hiện  
Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 3.

$X_i.Y_i$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ  $n$  ( $X_n.Y_n$ ).

**Điều 8. Dự án. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Dự án 7 của Trung ương)**

1. Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Dự án:

- a) Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 25%.
- b) Các huyện, thành phố: Tối thiểu 75%.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

| Tiêu chí                                                                       | Điểm hệ số |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b> |            |
| Dưới 1%                                                                        | 0,4        |
| Từ 1% đến dưới 1,5%                                                            | 0,5        |
| Từ 1,5% đến dưới 2%                                                            | 0,6        |
| Từ 2% trở lên                                                                  | 0,7        |
| <b>2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>    |            |
| Dưới 500 hộ                                                                    | 0,4        |
| Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ                                                    | 0,5        |

| Tiêu chí                                                               | Điểm hệ số |
|------------------------------------------------------------------------|------------|
| Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ                                          | 0,6        |
| Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ                                          | 0,7        |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ                                          | 0,8        |
| Từ 2.500 hộ trở lên                                                    | 0,9        |
| <b>3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b> |            |
| 10 xã                                                                  | 1          |
| Từ 11 đến 15 xã                                                        | 1,3        |
| Từ 16 đến 20 xã                                                        | 1,5        |
| Từ 20 xã trở lên                                                       | 2          |

### 3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$R_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Dự án 4.

$X_1.Y_1$  là tích của tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ nhất và hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ nhất cho đến huyện, thành phố thứ  $n$  ( $X_n.Y_n$ ).

Trên đây là Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025./.

Số: 206 /BC-STP

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2022

### **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025**

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 4399/LĐTBXH-BTXH ngày 24/8/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025.

Thực hiện chức năng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **I. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH**

Hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm:

1. Dự thảo: Tờ trình, Nghị quyết, Quy định
2. Bản tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị

(Dự thảo Nghị quyết được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương tại văn bản số 510/HĐND-VP ngày 18/8/2022).

\* Hồ sơ dự thảo chưa có kết quả đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

#### **II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

1. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

Thống nhất với nội dung trình bày sự cần thiết tại dự thảo Tờ trình.

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng được xác định cụ thể, rõ ràng.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Ineo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 *“Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung), việc Sở Lao động – Thương binh & Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 là phù hợp với thẩm quyền theo quy định.

### **3. Sự phù hợp về nội dung và ngôn ngữ trình bày của dự thảo theo quy định pháp luật**

#### **3.1. Đối với dự thảo Nghị quyết**

Thống nhất với nội dung và hình thức trình bày của dự thảo Nghị quyết.

#### **3.2. Đối với dự thảo Quy định**

Đối với các dữ liệu về tiêu chí và điểm hệ số, đề nghị cơ quan soạn thảo chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý đề xuất cũng như tính chính xác về các thông tin tại hồ sơ tham mưu của UBND tỉnh.

#### **3.3. Đối với dự thảo Tờ trình**

Đối với nội dung bố cục tại mục IV, cơ quan soạn thảo cần nhắc thêm không trình bày Điều 3 – Tổ chức thực hiện, vì nội dung thể hiện việc giao trách nhiệm của HĐND tỉnh ngay khi Nghị quyết được thông qua, nội dung này phù hợp quy định tại dự thảo Nghị quyết. Hơn nữa theo mẫu số 03 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ yêu cầu trình bày các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết khác với việc trình bày tất cả các nội dung tại Nghị quyết vào Tờ trình của UBND tỉnh.

### **III. KẾT LUẬN**

Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Sở Tư pháp kết luận như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thành phần hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định có bao gồm *Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý* (được hiểu là có

kết quả của việc lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh), theo đó hồ sơ dự thảo được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương tại văn bản số 510/HĐND-VP ngày 18/8/2022 và thời hạn đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh là đến ngày 18/9/2022.

Đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 7253/UBND-THNC ngày 15/7/2022 về thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh thì hồ sơ dự thảo Nghị quyết chưa có ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Do đó, căn cứ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Nghị định hướng dẫn thi hành thì hồ sơ dự thảo Nghị quyết chưa đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 9.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025, Sở Tư pháp đề nghị Sở Lao động – Thương binh & Xã hội nghiên cứu, thực hiện/.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
  - TTTĐT Sở;
  - Lưu: VT, XDPBPL.
- (Anh Đào – TD2022)



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Quang Tuấn**





Số: 325/BC-LĐTBXH

Đồng Nai, ngày 31 tháng 8 năm 2022

### BÁO CÁO

**Giải trình, tiếp thu Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025**

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Văn bản số 8726/UBND-KGVX ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Văn bản số 510/HĐND-VP ngày 18/8/2022 của Thường trực HĐND tỉnh.

Ngày 24/8/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 4399/LĐTBXH-BTXH về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 gửi Sở Tư pháp.

Ngày 30/8/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được Báo cáo thẩm định số 206/BC-STP ngày 29/8/2022 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025.

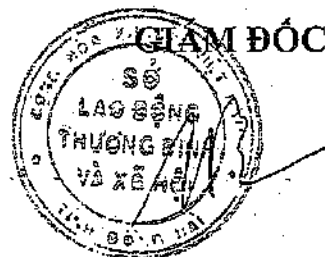
Sau khi nghiên cứu, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp như sau:

(Đính kèm bảng tổng hợp báo cáo, giải trình)

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính báo cáo UBND tỉnh.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- GD, PGD Sở;
- Lưu: VT, BTXH.



Nguyễn Thị Thu Hiền



UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ LAO ĐỘNG  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH  
CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Đính kèm Báo cáo số: 325/BC-LĐTĐBXH ngày 1/8/2022  
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

| Stt | Nội dung dự thảo           | Nội dung thẩm định của Sở Tư pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tiếp thu/giải trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Đối với dự thảo Nghị quyết |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |                            | Thông nhất với nội dung và hình thức trình bày của dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2   | Đối với dự thảo Quy định   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |                            | Đối với các dữ liệu về tiêu chí và điểm hệ số, đề nghị cơ quan soạn thảo chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý đề xuất cũng như tính chính xác về các thông tin tại hồ sơ tham mưu của UBND tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Sở LĐ-TBXH xin tiếp thu và giải trình như sau: Việc xây dựng các tiêu chí được tính toán trên số liệu của các địa phương và tình hình thực tế về hộ nghèo, hộ cận nghèo, tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi ở các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh và đã lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành liên quan. |
| 3   | Đối với dự thảo Tờ trình   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |                            | Đối với nội dung bố cục tại mục IV, cơ quan soạn thảo cần nhắc thêm không trình bày Điều 3 - Tổ chức thực hiện, vì nội dung thể hiện việc giao trách nhiệm của UBND tỉnh ngay khi Nghị quyết được thông qua, nội dung này phù hợp quy định tại dự thảo Nghị quyết. Hơn nữa theo mẫu số 03 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ yêu cầu trình bày các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết khác với việc trình bày tất cả các nội dung tại Nghị | Sở LĐ-TBXH xin tiếp thu, điều chỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|   |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                              | quyết vào Tờ trình của UBND tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 4 | <b>Trình tự xây dựng dự thảo nghị quyết, thẩm định hồ sơ</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|   |                                                              | <p>Hồ sơ dự thảo được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 510/HĐND-VP ngày 18/8/2022 và thời hạn đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh là đến ngày 18/9/2022.</p> <p>Hồ sơ dự thảo Nghị quyết chưa có ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.</p> <p>Do đó, căn cứ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Nghị định hướng dẫn thi hành thi hồ sơ dự thảo Nghị quyết chưa đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 9.</p> | <p>Sở LĐ-TBXH xin báo cáo giải trình như sau:</p> <p>Căn cứ Văn bản số 510/HĐND-VP ngày 18/8/2022 của Thường trực HĐND và Văn bản số 8726/UBND-KGVX ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh. Ngày 19/8/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 4302/LĐTBXH-</p> <p>BTXH về việc đề nghị góp ý dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, đăng cổng thông tin điện tử lấy ý kiến góp ý.</p> <p>Trong đó có nội dung: Do thời gian gấp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các sở, ban, ngành đơn vị quan tâm, đóng góp ý kiến hồ sơ dự thảo nghị quyết và gửi về Sở trước ngày 23/8/2022 để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định (sau ngày này, nếu các đơn vị không có ý kiến góp ý, xem như đã thống nhất với các văn bản dự thảo). Đến ngày 23/8/2022, Sở LĐ-TBXH đã nhận được một số ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, không nhận được văn bản góp ý của UB MTTQVN tỉnh.</p> <p>Về thời gian đăng Cổng thông tin điện tử của tỉnh đến ngày 18/9/2022 sẽ hết hạn, tuy nhiên đây là Nghị quyết có tính chất quan trọng để sớm triển khai thực hiện Chương trình MTQGGBNV trên địa bàn tỉnh</p> |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <p>và thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 30/8/2022, vì vậy Sở LĐ-TBXH đề xuất tiếp tục báo cáo và trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND quyết định.</p> <p>Đối với thời gian đăng Công thông tin điện tử của tỉnh, khi hết thời gian đăng công, Sở LĐ-TBXH sẽ có báo cáo bổ sung gửi UBND tỉnh và Sở Tư pháp.</p> |
|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|







Số: 324/BC-LĐTBOXH

Đồng Nai, ngày 31 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO**

**Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Ban Văn hóa, xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025**

Thực hiện Văn bản số 8726/UBND-KGVX ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Văn bản số 510/HĐND-VP ngày 18/8/2022 của Thường trực HĐND tỉnh.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được Văn bản số 537/BVHXH-CTHDND ngày 26/8/2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết phân bổ nguồn vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (góp ý theo Văn bản đề nghị số 4302/LĐTBOXH-BTXH ngày 19/8/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

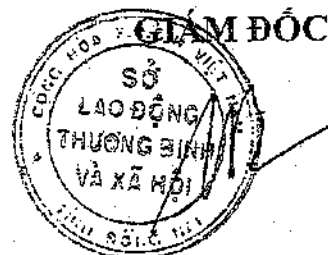
Sau khi nghiên cứu, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh như sau:

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Trên đây là báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh. *[Chữ ký]*

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban VHXXH-HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- GD, PGD Sở;
- Lưu: VT, BTXH.



**Nguyễn Thị Thu Hiền**



UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ LAO ĐỘNG  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý  
CỦA BAN VĂN HÓA XÃ HỘI - HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**  
(Đính kèm Báo cáo số: 324 /BC-LĐTBXH ngày 14/8/2022  
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

| Stt | Nội dung góp ý                                                                                                                                                                                                                                                              | Tiếp thu/giải trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Đề nghị báo cáo đánh giá kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, hạn chế trong thực hiện quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh. | Sở LĐTBXH xin tiếp thu, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2   | Đề nghị bổ sung thuyết minh làm rõ căn cứ xác định các tiêu chí, điểm hệ số đối với từng dự án.                                                                                                                                                                             | Sở LĐTBXH xin giải trình như sau:<br>Theo dự thảo Quy định, hệ số các dự án được Sở LĐTBXH dựa trên hệ số của Trung ương quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Còn các tiêu chí (tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tiêu chí tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện/thành phố; tiêu chí tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện/thành phố) được tính trên cơ sở thực trạng tỷ lệ, số lượng các tiêu chí hiện tại của các huyện, thành phố để phân hệ số cho phù hợp (được Sở tổng hợp tại phụ lục dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh), việc xác định tiêu chí tương ứng với điểm hệ số theo dự thảo đảm bảo các huyện/thành phố có điểm hệ số cao thì được phân bổ nguồn vốn nhiều và ngược lại, phù hợp với nhu cầu vốn các huyện, thành phố đã thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2021. |
| 3   | Đề nghị nghiên cứu, rà soát sự cần thiết quy định nội dung Điều 2 trong dự thảo Nghị quyết cho phù hợp vì tên của dự thảo Nghị quyết và phạm vi điều chỉnh đã thể hiện giai đoạn thực hiện từ 2022 - 2025.                                                                  | Sở LĐTBXH xin giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết để làm rõ nguồn vốn (tính chỉ sử dụng vốn sự nghiệp) và các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | <p>Phạm vi điều chỉnh (Điều 1 của Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết): Đề nghị rà soát, không quy định nội dung "...áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025" cho phù hợp.</p>                                                                                                               | <p>Sở LĐTBXH xin tiếp thu, điều chỉnh.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 5 | <p>Tiêu chí phân bổ vốn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị rà soát, xem xét bổ sung tiêu chí "Quy mô dân số của các địa phương" và tiêu chí "Đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố" cho phù hợp với các nội dung của các dự án.</li> </ul>                                            | <p>Sở LĐTBXH xin giải trình như sau:</p> <p>"Quy mô dân số của các địa phương", "Đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố" chỉ áp dụng đối với các dự án liên quan đến huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, Đồng Nai không có các dự án này.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với tiêu chí tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi: Đề nghị rà soát, xem xét, điều chỉnh phù hợp với chỉ tiêu văn hóa - xã hội của tỉnh hiện nay là tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi).</li> </ul> | <p>Sở LĐTBXH xin giải trình như sau: Đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em thì có 03 tiêu chí/chỉ số gồm: một là SDD cân nặng theo tuổi (hay còn gọi là SDD Thể nhẹ cân), hai là SDD Chiều cao theo tuổi (hay còn gọi là SDD thể thấp còi) và ba là SDD cân nặng theo chiều cao (hay còn gọi là SDD Thể gầy còm). Trung ương chọn chỉ số "SDD thể thấp còi" làm tiêu chí để tính hệ số, do đó, để phù hợp với Trung ương thì tỉnh Đồng Nai cũng chọn chỉ số "SDD thể thấp còi" làm chỉ tiêu để tính điểm hệ số (nội dung này Sở LĐTBXH đã lấy ý kiến và số liệu từ Sở Y tế).</p> |
| 6 | <p>Đối với các công thức của các dự án</p> $Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$ <p>Đề nghị giải thích cụ thể từng thông số trong công thức.</p>                                                                                                                                      | <p>Sở LĐTBXH xin tiếp thu và đã giải trình, bổ sung trong từng công thức của Quy định kèm theo Nghị quyết.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 7 | <p>Đề nghị bổ sung thuyết minh cụ thể căn cứ xác định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn giữa các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh với các huyện, thành phố (tiểu dự án 2 Điều 6; tiểu dự án 1 và 2 Điều 7; Điều 8).</p>                                                                                                  | <p>Sở LĐTBXH xin giải trình như sau: Sở LĐTBXH căn cứ tỷ lệ phân bổ nguồn vốn tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ để xác định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn giữa các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh với các huyện, thành phố (bằng mức Trung ương phân cho các bộ, ngành trung ương và các tỉnh thành).</p>                                                                                                                                                                                                                                              |

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ LAO ĐỘNG  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

|                       |
|-----------------------|
| UBND TỈNH ĐỒNG NAI    |
| Số: 825706            |
| Ngày: 05/9/22         |
| Chuyển: 151           |
| Số và ký hiệu HS: 151 |

Số: 151 /TT-LĐTBXH

Đồng Nai, ngày 31 tháng 8 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo hồ sơ Nghị quyết Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025**

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Văn bản số 8726/UBND-KGVX ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Văn bản số 510/HĐND-VP ngày 18/8/2022 của Thường trực HĐND tỉnh.

Ngày 19/8/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Văn bản số 4302/LĐTBXH-BTXH về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025 gửi các sở, ban, ngành, địa phương và đảng Cộng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến nhân dân.

Sau khi tổng hợp các ý kiến góp ý, ngày 24/8/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 4399/LĐTBXH-BTXH về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 206/BC-STP ngày 29/8/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, giải trình báo cáo thẩm định và hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo nghị quyết. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh thông qua./.

**Xin gửi kèm theo:**

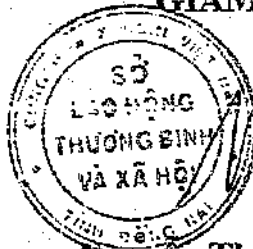
- (1) Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- (2) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025.
- (3) Báo cáo thẩm định số 206/BC-STP ngày 29/8/2022 của Sở Tư pháp.
- (4) Báo cáo số 25/BC-LĐTBXH ngày 31/8/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết.

(5) Ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành địa phương. *1/10*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- GD, PGD Sở;
- Lưu: VT, BTXH.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Thu Hiền**